ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 199 /KH-UBND	*Đắk Lắk, ngày 06 tháng 11 năm 2024*

KẾ HOẠCH
Triển khai Chiến dịch cao điểm 60 ngày đêm "Nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công" trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 02/4/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 3478/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình cải cách hành chính nhà nước tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; đồng thời, để hiện thực hóa các mục tiêu về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, nâng cao Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến dịch cao điểm 60 ngày đêm "Nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công" trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là Chiến dịch), với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tập trung nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công (DVC) trực tuyến trên địa bàn tỉnh, nhất là đối với các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà tỉnh thực hiện chưa đạt yêu cầu hoặc còn thấp so với quy định; tạo sự chuyển biến rõ nét trong việc sử dụng DVC trực tuyến trên địa bàn tỉnh sau khi kết thúc Chiến dịch.

- Tăng cường tính chủ động, sáng tạo, mạnh dạn áp dụng những sáng kiến, giải pháp mới để cải cách hành chính trở thành khâu đột phá trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động quản lý của tỉnh.

- Giao chỉ tiêu, tỷ lệ cụ thể đến từng cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, hướng tới hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu như tăng tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) giải quyết trực tuyến; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; tỷ lệ thanh toán trực tuyến.

2. Yêu cầu

- Phân công rõ nhiệm vụ, rõ trách nhiệm, rõ thời gian; triển khai đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp để đạt được các mục tiêu đề ra.

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, xác định việc thực hiện các giải pháp

để nâng cao hiệu quả sử dụng DVC trực tuyến là một nhiệm vụ cấp bách và ưu tiên hàng đầu, là yếu tố quyết định trong công tác cải cách hành chính của tỉnh.

- Sau khi Chiến dịch này kết thúc, trên cơ sở kết quả triển khai thực hiện các chỉ tiêu trong Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục duy trì thực hiện và phấn đấu nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả và kết quả sử dụng DVC trực tuyến trong thời gian tiếp theo.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẾN THÁNG 10 NĂM 2024

1. UBND tỉnh đã ban hành các văn bản giao chỉ tiêu các nội dung liên quan đến DVC trực tuyến, thúc đẩy và nâng cao chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, DVC trực tuyến trên địa bàn tỉnh trong năm 2024[1].

2. Theo kết quả số liệu cập nhật đến ngày 31/10/2024, Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp DVC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, tỉnh Đắk Lắk đạt **75,65** điểm, xếp vị trí thứ **46/63** tỉnh, thành phố, xếp vị trí **02/5** tỉnh khu vực Tây Nguyên. Các chỉ tiêu đang đạt tỷ lệ thấp:

a) Tỷ lệ DVC trực tuyến (đạt 34,2%)

- Cấp tỉnh: 05/17 sở, ngành có tỷ lệ DVC trực tuyến dưới 40% gồm Sở Tài chính (35,2%), Sở Tư pháp (24,3%), Sở Giao thông vận tải (15,9%), Sở Tài nguyên và Môi trường (2,7%), Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh (0%).

- Cấp huyện: 02/15 địa phương có tỷ lệ DVC trực tuyến từ 30% đến 40% gồm: UBND huyện Krông Búk (33,8%), UBND huyện Lắk (30,2%); 04/15 địa phương có tỷ lệ DVC trực tuyến dưới 30% gồm: UBND huyện Krông Bông (23%), UBND huyện Ea Súp (7,1%), UBND huyện Buôn Đôn (6,6%), UBND huyện M'Đrắk (5,3%).

b) Tỷ lệ thanh toán trực tuyến (đạt 10,56%)

- Cấp tỉnh: 04/17 sở, ngành có tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến dưới 15% gồm: Sở Công Thương (9,14%), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2,6%), Sở Tài nguyên và Môi trường (2,42%), Sở Y tế (1,62%); có 03/17 sở, ngành có TTHC có nghĩa vụ tài chính nhưng không có phát sinh hồ sơ thanh toán trực tuyến, tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến là 0% gồm: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh.

- 05 đơn vị cấp tỉnh, 02 đơn vị cấp huyện và 69 đơn vị cấp xã không có hồ sơ thanh toán trực tuyến.

(Chi tiết tại Phụ lục I - Thống kê từng cơ quan, đơn vị, địa phương đến tháng 10/2024 kèm theo)

---

[1]. Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 17/6/2024 về nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp DVC trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2024; Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 29/12/2023 về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk năm 2024.

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ, PHƯƠNG PHÁP GIAO CHỈ TIÊU VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Căn cứ pháp lý

a) Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, DVC theo thời gian thực trên môi trường điện tử, trong đó có quy định:

"- DVC trực tuyến có phát sinh hồ sơ (tỷ lệ 100% đạt 04 điểm).

- TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến (tỷ lệ 100% đạt 02 điểm)."

b) Mục V Phụ lục III *(Một số chỉ tiêu về cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử)* tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024; Mục II Phụ lục III *(Nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, DVC)* tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024; Mục II Phụ lục II *(Một số chỉ tiêu Cải cách hành chính, quy định kinh doanh năm 2024)* tại Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 07/02/2024 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk quy định:

"- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết TTHC tối thiểu 50%.

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của DVC tối thiểu 45%.

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tối thiểu 80%.

- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử 100%".

c) Các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh

- Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 07/02/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND tỉnh ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị Quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của

Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

- Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk năm 2024.

2. Phương pháp giao chỉ tiêu

Việc giao chỉ tiêu cho từng cơ quan cấp tỉnh[2], địa phương cấp huyện, cấp xã theo nguyên tắc không thấp hơn chỉ tiêu chung được các cấp có thẩm quyền giao cho UBND tỉnh trong năm 2024 như nêu trên và trên cơ sở kết quả thực hiện trong năm 2023, cụ thể như sau:

a) Đối với các chỉ tiêu về:

(1) Tỷ lệ DVC trực tuyến;

(2) Tỷ lệ thanh toán trực tuyến *(được tính trên cơ sở các TTHC có nghĩa vụ tài chính phát sinh hồ sơ)*:

+ Trường hợp kết quả thực hiện chỉ tiêu liên quan nhỏ hơn chỉ tiêu của Trung ương quy định năm 2024 thì giao chỉ tiêu cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương bằng chỉ tiêu của Trung ương quy định năm 2024 và tăng thêm 5%.

+ Trường hợp kết quả thực hiện chỉ tiêu liên quan đến tháng 10/2024 bằng hoặc lớn hơn chỉ tiêu của Trung ương quy định năm 2024 thì giao chỉ tiêu bằng kết quả đạt được trong năm 2024 của cơ quan, đơn vị, địa phương đó nhưng không nhỏ hơn chỉ tiêu của Trung ương quy định năm 2024 và tăng thêm 5%.

b) Đối với các chỉ tiêu:

(1) Công khai, minh bạch TTHC;

(2) Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC;

(3) Tiến độ giải quyết;

(4) Mức độ hài lòng: các cơ quan, đơn vị, địa phương phấn đấu đạt 100% chỉ tiêu theo quy định.

(Phụ lục II giao chỉ tiêu cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, địa phương kèm theo)

3. Thời gian thực hiện

Bắt đầu từ **ngày 08/11/2024** và kết thúc vào **ngày 06/01/2025**. Việc tổng kết Chiến dịch được tổ chức chung tại Hội nghị tổng kết của Ban chỉ đạo về Chuyển đổi số năm 2024 *(đầu tháng 01/2025)* về kết quả thực hiện nhiệm vụ Đề án 06 của UBND tỉnh.

---

[2]. Không giao chỉ tiêu cho Ban Dân tộc tỉnh, Thanh tra tỉnh vì không có TTHC tiếp nhận hồ sơ trên môi trường điện tử.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn

a) Tập trung, chỉ đạo quyết liệt bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu về sử dụng DVC trực tuyến trên các lĩnh vực do cơ quan, đơn vị, địa phương phụ trách được đề ra tại Chiến dịch này, trên cơ sở 1.732 TTHC được cung cấp dưới dạng DVC trực tuyến của tỉnh; trong đó, 730 DVC trực tuyến toàn trình, 788 DVC trực tuyến một phần và 214 DVC cung cấp thông tin trực tuyến.

b) Phân công, giao chỉ tiêu cụ thể cho từng thành viên, từng ngành, lĩnh vực có liên quan; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở và chấn chỉnh kịp thời những mặt tồn tại, hạn chế *(nếu có)*.

c) Quán triệt đến từng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại Bộ phận Một cửa các cấp đối với những TTHC đã được cung cấp trực tuyến, nếu người dân, doanh nghiệp đến nộp hồ sơ trực tiếp thì hướng dẫn, khuyến khích người dân, doanh nghiệp thực hiện và hoàn thành việc nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến (nếu có nghĩa vụ tài chính). Đồng thời, tập trung thực hiện việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo đúng quy định.

d) Tiến hành rà soát, tái cấu trúc quy trình TTHC để lựa chọn, cung cấp DVC trực tuyến. Rà soát lại các DVC trực tuyến thường xuyên phát sinh hồ sơ, có nhiều người sử dụng để thực hiện đơn giản hóa, tái cấu trúc lại quy trình thực hiện, lược bỏ các bước trung gian không cần thiết, các thành phần hồ sơ đã có trong cơ sở dữ liệu để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi thực hiện DVC trực tuyến. Đề xuất danh mục DVC trực tuyến đáp ứng việc cung cấp, thực hiện trên môi trường điện tử. Thường xuyên rà soát, cập nhật Danh mục DVC trực tuyến khi có sự thay đổi.

e) Triển khai toàn diện thanh toán trực tuyến đối với tất cả TTHC có yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính trên phạm vi toàn tỉnh, đặc biệt đối với các TTHC thuộc lĩnh vực có hồ sơ phát sinh nhiều như lĩnh vực Đất đai, Đăng ký kinh doanh, Giao thông vận tải, Tư pháp, hộ tịch…

g) Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện thanh toán trực tuyến phí, lệ phí trên Cổng DVC quốc gia; triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận, giải quyết TTHC; đồng thời, đăng tải Kế hoạch này lên Trang thông tin điện tử.

h) Phát huy tối đa vai trò, hiệu quả hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng, Tổ giúp việc Đề án 06 các cấp, Tổ hướng dẫn và hỗ trợ dịch vụ hành chính công, Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Tổ dân phố, Khu dân cư,… trong việc tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện sử dụng DVC trực tuyến, thanh

toán trực tuyến. Xây dựng, duy trì các mô hình hỗ trợ người dân tiếp cận các tiện ích số, DVC trực tuyến.

i) Triển khai thực hiện Chiến dịch đến từng cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức có liên quan; biểu dương, động viên kịp thời những tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đồng thời, xử lý nghiêm các trường hợp chậm trễ, không hoàn thành nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Chiến dịch; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện của từng cơ quan, đơn vị, địa phương theo các mốc thời gian: ***Định kỳ 10 ngày/lần, sơ kết 30 ngày và tổng kết 60 ngày*** Chiến dịch. Trong đó, nêu rõ tập thể, cá nhân hoàn thành chỉ tiêu được giao trong thực hiện Kế hoạch, hình thức xử lý đối với tập thể, cá nhân thực hiện chưa tốt, không hoàn thành nhiệm vụ.

b) Rà soát việc cấp và sử dụng chữ ký số của các cơ quan, đơn vị, địa phương, đảm bảo việc cấp và sử dụng chữ ký số hiệu quả, đúng quy định; đề nghị các doanh nghiệp đủ điều kiện tăng cường cung cấp chữ ký số công cộng cho người dân và bảo đảm sẵn sàng chức năng ký số từ xa trên Cổng DVC cho người dân sử dụng để thực hiện DVC trực tuyến.

c) Tăng cường hỗ trợ, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thanh toán phí, lệ phí trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia; thường xuyên nắm bắt, cập nhật, phối hợp xử lý các lỗi xảy ra trong quá trình thực hiện thanh toán phí, lệ phí trực tuyến.

d) Phối hợp với đơn vị cung cấp phần mềm xác định nguyên nhân, có biện pháp khắc phục, xử lý tình trạng không đồng bộ đầy đủ dữ liệu tại Cổng DVC của tỉnh với Cổng DVC quốc gia theo các chỉ tiêu quy định tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

e) Kịp thời tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến và thanh toán trực tuyến bảo đảm hiệu quả; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo quy định.

b) Thường xuyên đăng tin, bài tuyên truyền các nội dung, kết quả đạt được của Kế hoạch này trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

c) Phối hợp Công an tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Chiến dịch; tổng kết Chiến dịch.

4. Công an tỉnh: phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh tăng cường hỗ trợ, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trong khai thác dữ liệu dân cư để hỗ trợ thực hiện DVC trực tuyến, thanh toán phí, lệ phí trực tuyến.

5. Báo Đắk Lắk, Đài Phát thanh - Truyền hình Đắk Lắk: phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng, đưa tin, bài, phóng sự nhằm tuyên truyền rộng rãi nội dung Chiến dịch được nêu tại Kế hoạch này, kịp thời thông tin kết quả đạt được để người dân, doanh nghiệp biết, ủng hộ, thực hiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đảm bảo hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này và gửi về UBND tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông), báo cáo sơ kết 30 ngày đêm ***(trước ngày 10/12/2024)***, báo cáo kết quả Chiến dịch ***(trước ngày 10/01/2025)*** đúng yêu cầu.

2. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh, báo cáo về UBND tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến dịch cao điểm 60 ngày đêm "Nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công" trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c)
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh (Đ/c Hà);
- Công an tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh (Đ/c Hùng);
- Báo Đắk Lắk, Đài PT-TH tỉnh;
- Viễn thông Đắk Lắk;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Các phòng, TT: TH; KGVX, HCTC, PVHCC, CN&CTTĐT;
- Lưu: VT, KSTTHC (B_10b).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Hà

Số: 199/KH-UBND
Thời gian ký: 2024-11-06T07:30:10+07:00

Phụ lục I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ CHỈ SỐ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN TTHC, DVC THEO THỜI GIAN THỰC TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ TỈNH ĐẮK LẮK ĐẾN THÁNG 10/2024

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

1. Các sở, ban, ngành tỉnh

STT	Đơn vị	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến	Tỷ lệ DVC trực tuyến
1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	78,38%	97,20%
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	59,95%	68,80%
3	Sở Tư pháp	47,70%	24,30%
4	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	29,48%	91,40%
5	Sở Khoa học và Công nghệ	28,57%	87,70%
6	Sở Giao thông vận tải	28,08%	15,90%
7	Sở Xây dựng	25,11%	91,80%
8	Sở Thông tin và Truyền thông	19,61%	93,80%
9	Sở Công Thương	9,14%	99,40%
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2,69%	96,90%
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	2,42%	2,70%
12	Sở Y tế	1,62%	57,30%
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	0,00%	68,80%
14	Sở Nội vụ	0,00%	83,90%
15	Sở Ngoại vụ	0,00%	66,70%
16	Sở Tài chính	0,00%	25,20%
17	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	0,00%	0,00%

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố

STT	Đơn vị	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến	Tỷ lệ DVC trực tuyến
1	UBND huyện Krông Pắc	42,32%	85,10%
2	UBND huyện Krông Năng	21,72%	51,80%
3	UBND huyện Ea Kar	17,73%	56,20%
4	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	16,01%	70,20%
5	UBND thị xã Buôn Hồ	**6,87%**	65,50%
6	UBND huyện Krông Ana	**2,70%**	45,30%
7	UBND huyện Ea H'leo	**1,11%**	50,10%
8	UBND huyện Cư Mgar	**0,13%**	41,80%
9	UBND huyện Krông Búk	**0,13%**	22,80%
10	UBND huyện Krông Bông	**0,02%**	23,00%
11	UBND huyện M'Đrắk	**0,01%**	5,30%
12	UBND huyện Lắk	**0,01%**	30,20%
13	UBND huyện Cư Kuin	**0,01%**	51,00%
14	UBND huyện Buôn Đôn	**0,00%**	6,60%
15	UBND huyện Ea Súp	**0,00%**	7,10%

3. UBND các xã, phường, thị trấn

STT	Cơ quan	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến	Tỷ lệ DVC trực tuyến
I	**UBND TP Buôn Ma Thuột**		
1	Phường Tân Lập	28,65%	96,60%
2	Phường Tân Hòa	47,01%	89,5%
3	Phường Tân An	33,75%	97,10%
4	Phường Thống Nhất	10,75%	95,6%
5	Phường Thành Nhất	18,49%	82,7%
6	Phường Thắng Lợi	24,49%	93,5%
7	Phường Tân Lợi	10,31%	94,8%
8	Phường Thành Công	9,98%	73,7%
9	Phường Tân Thành	18,83%	82,8%
10	Phường Tân Tiến	17,28%	86,2%
11	Phường Tự An	25,45%	82,7%
12	Phường Ea Tam	10,33%	75,4%
13	Phường Khánh Xuân	3,22%	71,2%
14	Xã Hòa Thuận	34,83%	97,4%
15	Xã Cư Êbur	27,33%	77,6%
16	Xã Ea Tu	10,94%	63,8%
17	Xã Hòa Thắng	18,53%	87,3%
18	Xã Ea Kao	1,23%	88,8%
19	Xã Hòa Phú	24,56%	89,5%
20	Xã Hòa Khánh	23,73%	82,0%
21	Xã Hòa Xuân	18,49%	98,9%
II	**UBND Thị xã Buôn Hồ**		
1	Phường Đạt Hiếu	1,98%	66,90%
2	Phường An Bình	2,18%	80,60%
3	Phường An Lạc	4,12%	65,80%
4	Phường Thiện An	2,44%	62,40%
5	Phường Đoàn Kết	5,53%	53,80%
6	Phường Thống Nhất	7,28%	54,60%
7	Phường Bình Tân	23,50%	90,50%

STT	Cơ quan	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến	Tỷ lệ DVC trực tuyến
8	Xã Cư Bao	1,71%	62,30%
9	Xã Bình Thuận	12,59%	87,30%
10	Xã Ea Siên	1,28%	42,00%
11	Xã Ea Drông	2,96%	63,50%
12	Xã Ea Blang	0	23,30%
III	**UBND huyện Cư M'gar**		
1	Thị trấn Ea Pốk	0,29%	34,5%
2	Thị trấn Quảng Phú	0,33%	63,4%
3	Xã Cư M'gar	0	55,0%
4	Xã Ea Kpam	0	31,7%
5	Xã Cư Suê	0,06%	42,4%
6	Xã Quảng Tiến	0,28%	81,9%
7	Xã Ea H'đing	0,05%	30,9%
8	Xã Ea Tar	0,06%	54,7%
9	Xã Ea M'droh	0,20%	60,5%
10	Xã Ea M'nang	0	71,1%
11	Xã Cuôr Đăng	0	18,5%
12	Xã Ea Tul	0	35,6%
13	Xã Ea Kuêh	0	23,8%
14	Xã Quảng Hiệp	0,09%	29,9%
15	Xã Ea Kiết	0	41,7%
16	Xã Ea Đrơng	0,08%	36,1%
17	Xã Cư Dliê M'nông	0,15%	35,6%
IV	**UBND huyện Cư Kuin**		
1	Xã Ea Tiêu	0	43,8%
2	Xã Ea Ktur	0	27,7%
3	Xã Ea Ning	0	56,0%
4	Xã Cư Êwi	0,10%	68,6%
5	Xã Ea Hu	0	70,0%
6	Xã Ea Bhốk	0	55,2%
7	Xã Dray Bhăng	0,12%	71,6%

STT	Cơ quan	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến	Tỷ lệ DVC trực tuyến
8	Xã Hòa Hiệp	0	61,6%
V	**UBND huyện Ea Kar**		
1	Xã Cư Yang	8,82%	37,1%
2	Xã Cư Ni	36,08%	85,9%
3	Xã Xuân Phú	32,57%	80,7%
4	Xã Ea Sar	6,87%	30,2%
5	Xã Ea Đar	1,22%	17,2%
6	Xã Ea Sô	13,08%	45,2%
7	Xã Ea Tih	18,90%	48,7%
8	Xã Cư Huê	0	52,2%
9	Xã Ea Păl	26,38%	81,7%
10	Xã Cư Bông	11,54%	49,4%
11	Xã Cư Prông	5,76%	77,3%
12	Xã Cư Elang	9,14%	30,6%
13	Xã Ea Ô	19,53%	36,8%
14	Xã Ea Kmút	43,38%	72,1%
15	Thị trấn Ea Kar	14,63%	90,7%
16	Thị trấn Ea Knốp	39,88%	87,9%
VI	**UBND huyện Ea Súp**		
1	Thị trấn Ea Súp	0	9,0%
2	Xã Cư Mlan	0,02%	4,6%
3	Xã Ea Lê	0	17,7%
4	Xã Ea Bung	0	30,4%
5	Xã Ya Tờ Mốt	0,04%	7,5%
6	Xã Ea Rốk	0	3,4%
7	Xã Ia Lơi	0	17,2%
8	Xã Ia Rvê	0	10,1%
9	Xã Cư Kbang	0	3,4%
10	Xã Ia Lốp	0	5,8%
VII	**UBND huyện Krông Ana**		
1	Xã Ea Na	0	22,7%

STT	Cơ quan	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến	Tỷ lệ DVC trực tuyến
2	Xã Bình Hòa	5,63%	41,4%
3	Xã Ea Bông	1,70%	26,9%
4	Xã Dur Kmăl	0	22,3%
5	Xã Quảng Điền	8,20%	91,9%
6	Xã Băng A Drênh	1,22%	38,7%
7	Thị trấn Buôn Trấp	2,19%	63,6%
8	Xã Dray Sáp	0	36,0%
VIII	**UBND huyện Krông Bông**		
1	Thị trấn Krông Kmar	0	26,9%
2	Xã Yang Reh	0	13,4%
3	Xã Êa Trul	0	7,7%
4	Xã Khuê Ngọc Điền	0,09%	17,4%
5	Xã Hòa Tân	0	7,7%
6	Xã Cư Kty	0,21%	45,1%
7	Xã Hòa Thành	0	10,8%
8	Xã Dang Kang	0	49,7%
9	Xã Hòa Sơn	0	29,4%
10	Xã Hòa Lễ	0,04%	32,9%
11	Xã Hòa Phong	0	12,6%
12	Xã Cư Pui	0	20,9%
13	Xã Cư Drăm	0	14,3%
14	Xã Yang Mao	0	12,8%
IX	**UBND huyện Krông Búk**		
1	Xã Cư Né	0,09%	14,6%
2	Xã Ea Ngai	0,62%	75,3%
3	Xã Tân Lập	0,50%	28,5%
4	Xã Pơng Drang	0	90,3%
5	Xã Cư Pơng	0,03%	16,7%
6	Xã Ea Sin	0	20,3%
7	Xã Chứ Kbô	0	24,2%
X	**UBND huyện Lắk**		

STT	Cơ quan	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến	Tỷ lệ DVC trực tuyến
1	Thị trấn Liên Sơn	0,13%	40,9%
2	Xã Yang Tao	0	23,5%
3	Xã Bông Krang	0	35,3%
4	Xã Đăk Liêng	0	33,8%
5	Xã Buôn Tría	0	29,3%
6	Xã Buôn Triết	0	28,2%
7	Xã Đăk Phơi	0	25,1%
8	Xã Đăk Nuê	0	25,1%
9	Xã Krông Nô	0	43,0%
10	Xã Nam Ka	0	36,9%
11	Xã Ea R'bin	0	16,8%
XI	**UBND huyện M'Đrắk**		
1	Xã Cư Prao	0	21,2%
2	Xã Ea Mđoal	0	2,4%
3	Xã Ea H'Mlay	0	11,5%
4	Xã Ea Riêng	0	9,6%
5	Xã Ea Lai	0	0,5%
6	Xã Ea Pil	0	15,7%
7	Xã Krông Á	0	14,7%
8	Xã Krông Jing	0	1,2%
9	Thị Trấn M'Drắk	0,04%	0,5%
10	Xã Cư Mta	0	1,3%
11	Xã Cư Króa	0	4,6%
12	Xã Ea Trang	0	1,5%
13	Xã Cư San	0	6,9%
XII	**UBND huyện Buôn Đôn**		
1	UBND xã Ea Nuôl	0	0,8%
2	UBND xã Ea Bar	0	1,5%
3	UBND xã Cuôr Knia	0	3,1%
4	UBND xã Tân Hòa	0	22,0%
5	UBND xã Ea Wer	0	2,8%

STT	Cơ quan	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến	Tỷ lệ DVC trực tuyến
6	UBND xã Ea Huar	0	1,2%
7	UBND xã Krông Na	0	4,2%
XIII	**UBND huyện Krông Năng**		
1	Xã Phú Lộc	29,63%	65,6%
2	Xã Ea Puk	37,91%	49,0%
3	Xã Ea Tam	25,68%	53,6%
4	Xã Tam Giang	17,01%	46,5%
5	Xã Cư Klông	28,89%	40,4%
6	Xã Ea Dăh	16,78%	39,2%
7	Xã Phú Xuân	23,74%	63,4%
8	Thị trấn Krông Năng	25,26%	63,8%
9	Xã Ea Hồ	18,51%	43,6%
10	Xã Ea Toh	15,20%	59,8%
11	Xã Dliêya	16,48%	49,9%
12	Xã Ea Tân	16,57%	59,2%
XIV	**UBND huyện Ea H'leo**		
1	Xã Ea Hiao	1,15%	23,1%
2	Xã Ea Tir	0,31%	36,5%
3	Xã Cư Mốt	2,20%	55,5%
4	Xã Ea Kkhăl	0,55%	48,6%
5	Xã Ea Sol	0,55%	62,7%
6	Xã Cư Mung	0,35%	30,6%
7	Xã Ea H'Leo	2,49%	64,3%
8	Xã Ea Wy	1,27%	44,0%
9	Xã Ea Ral	0,18%	75,9%
10	Xã Ea Nam	0,38%	59,6%
11	Xã Dliê Yang	1,11%	52,9%
12	Thi trấn Ea Drăng	2,64%	82,5%
XV	**UBND huyện Krông Pắc**		
1	Xã Hòa An	42,69%	95,7%
2	Xã Ea Phê	46,15%	86,9%

STT	Cơ quan	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến	Tỷ lệ DVC trực tuyến
3	TT Phước An	66,76%	97,6%
4	Xã Tân Tiến	51,50%	77,4%
5	Xã Ea Yông	43,14%	83,2%
6	Xã Hòa Đông	36,29%	93,0%
7	Xã Krông Buk	54,61%	96,4%
8	Xã Hòa Tiến	44,44%	98,2%
9	Xã Ea Kly	43,37	94,7%
10	Xã Ea Yiêng	57,17%	95,7%
11	Xã Ea Uy	35,84%	74,7%
12	Xã Ea Hiu	38,71%	82,1%
13	Xã Ea Knuếc	34,93%	78,5%
14	Xã Vụ Bổn	31,74%	90,8%
15	Xã Ea Kuang	49,20%	93,2%
16	Xã Ea Kênh	28%	67,5%

Số: 199/KH-UBND
Thời gian ký: 2024-11-06T07:30:14+07:00

Phụ lục II
GIAO CHỈ TIÊU CỤ THỂ CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

1. Các sở, ban, ngành tỉnh

STT	Đơn vị	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến		Tỷ lệ DVC trực tuyến	
		10/2024	Chỉ tiêu đến hết tháng 12/2024	10/2024	Chỉ tiêu đến hết tháng 12/2024
1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	78,38%	83%	97,20%	100%
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	59,95%	65%	68,80%	73%
3	Sở Tư pháp	47,70%	53%	24,30%	30%
4	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	29,48%	35%	91,40%	95%
5	Sở Khoa học và Công nghệ	28,57%	35%	87,70%	93%
6	Sở Giao thông vận tải	28,08%	35%	15,90%	20%
7	Sở Xây dựng	25,11%	30%	91,80%	97%
8	Sở Thông tin và Truyền thông	19,61%	25%	93,80%	99%
9	Sở Công Thương	9,14%	15%	99,40%	100%
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2,69%	10%	96,90%	100%
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	2,42%	5%	2,70%	10%
12	Sở Y tế	1,62%	5%	57,30%	62%
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	0,00%	5%	68,80%	74%
14	Sở Nội vụ	0,00%	5%	83,90%	89%
15	Sở Ngoại vụ	0,00%	5%	66,70%	72%
16	Sở Tài chính	0,00%	5%	25,20%	30%
17	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	0,00%	5%	0,00%	5%

2. Các huyện, thị xã, thành phố

STT	Đơn vị	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến		Tỷ lệ DVC trực tuyến	
		10/2024	Chỉ tiêu đến hết tháng 12/2024	10/2024	Chỉ tiêu đến hết tháng 12/2024
1	UBND huyện Krông Pắc	42,32%	47%	85,10%	90%
2	UBND huyện Krông Năng	21,72%	27%	51,80%	57%
3	UBND huyện Ea Kar	17,73%	23%	56,20%	61%
4	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	16,01%	21%	70,20%	75%
5	UBND thị xã Buôn Hồ	**6,87%**	11%	65,50%	70%
6	UBND huyện Krông Ana	**2,70%**	5%	45,30%	50%
7	UBND huyện Ea H'leo	**1,11%**	5%	50,10%	55%
8	UBND huyện Cư Mgar	**0,13%**	5%	41,80%	46%
9	UBND huyện Krông Búk	**0,13%**	5%	22,80%	28%
10	UBND huyện Krông Bông	**0,02%**	5%	23%	28%
11	UBND huyện M'Đrắk	**0,01%**	5%	5,30%	10%
12	UBND huyện Lắk	**0,01%**	5%	30,20%	35%
13	UBND huyện Cư Kuin	**0,01%**	5%	51%	56%
14	UBND huyện Buôn Đôn	**0,00%**	5%	6,60%	12%
15	UBND huyện Ea Súp	**0,00%**	5%	7,10%	12%

3. UBND các xã, phường, thị trấn: Áp dụng chung chỉ tiêu như của UBND các huyện, thị xã, thành phố./.